

BÁO CÁO

Về việc thực hiện Chương trình mục tiêu phát triển lâm nghiệp bền vững

Thực hiện Công văn số 9303/BNN-TCLN ngày 06/11/2017 Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc thực hiện Chương trình mục tiêu phát triển Lâm nghiệp bền vững.

Xét đề nghị của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Báo cáo số 03/BC-SNN ngày 03/01/2018; Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk báo cáo về kế hoạch phân bổ vốn theo Quyết định số 2000/QĐ-BTC ngày 05/10/2017 của Bộ Tài chính về việc bổ sung dự toán chi Chương trình mục tiêu phát triển Lâm nghiệp bền vững năm 2017 như sau:

1. Cơ sở pháp lý phân khai vốn chương trình mục tiêu phát triển Lâm nghiệp bền vững:

Căn cứ Quyết định số 886/QĐ-TTg ngày 16/6/2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình mục tiêu phát triển Lâm nghiệp bền vững giai đoạn 2016 - 2020;

Căn cứ Quyết định số 2000/QĐ-BTC ngày 05/10/2017 của Bộ Tài chính về việc bổ sung dự toán chi Chương trình mục tiêu phát triển lâm nghiệp bền vững năm 2017; Công văn số 9303/BNN-TCLN ngày 06/11/2017 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc thực hiện Chương trình mục tiêu phát triển Lâm nghiệp bền vững;

Căn cứ Quyết định số 3571/QĐ-UBND ngày 27/12/2017 của UBND tỉnh về việc bổ sung kinh phí cho các đơn vị để thực hiện Chương trình mục tiêu phát triển lâm nghiệp bền vững năm 2016 và năm 2017.

2. UBND tỉnh báo cáo kế hoạch phân bổ vốn Chương trình mục tiêu phát triển lâm nghiệp bền vững cụ thể như sau:

- Bộ Tài chính ban hành Quyết định số 2000/QĐ-BTC ngày 05/10/2017 về việc bổ sung dự toán chi Chương trình mục tiêu phát triển lâm nghiệp bền vững năm 2017. Trong đó, giao dự toán bổ sung có mục tiêu năm 2017 từ nguồn ngân sách Trung ương cho ngân sách tỉnh Đắk Lắk số tiền là 26.700.000.000 đồng vốn sự nghiệp (bao gồm cả kinh phí để thực hiện chính sách năm 2016 là 10.900.000.000 đồng).

- UBND tỉnh Đắk Lắk phân khai bổ sung kinh phí cho các đơn vị để thực hiện Chương trình mục tiêu phát triển lâm nghiệp bền vững năm 2016 và năm 2017 tại Quyết định số 3571/QĐ-UBND ngày 27/12/2017, cụ thể như sau:

* Tổng kinh phí bổ sung cho các đơn vị là 26.700.000.000 đồng từ nguồn vốn Trung ương bổ sung có mục tiêu cho ngân sách tỉnh. Trong đó:

- Kinh phí bổ sung năm 2016: 10.900.000.000 đồng, tập trung ưu tiên cho công trình hỗ trợ giao khoán quản lý, bảo vệ rừng.

- Kinh phí bổ sung năm 2017: 15.800.000.000 đồng, tập trung ưu tiên cho các công trình:

+ Hỗ trợ giao khoán quản lý bảo vệ rừng: 14.030.000.000 đồng;

+ Khoanh nuôi tái sinh: 1.070.000.000 đồng;

+ Chăm sóc rừng trồng đặc dụng: 700.000.000 đồng.

(Chi tiết tại mẫu biểu 1, 2 kèm theo).

Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk báo cáo về phân bổ vốn theo Quyết định số 2000/QĐ-BTC ngày 05/10/2017 của Bộ Tài Chính để Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tổng hợp. /

Nơi nhận

- Bộ Nông nghiệp và PTNT;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- Các Sở: NN&PTNT, TC, KH&ĐT;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Lưu VT, NNMT (Th 12b).

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Y Giang Gry Niê Knong

Biểu 1: Tổng hợp kế hoạch phân bổ vốn thực hiện Chương trình mục tiêu phát triển bền vững thực hiện chi ngân sách năm 2016 (bổ sung) tỉnh Đắk Lắk.

(Kèm theo Báo cáo số 13/BC-SNN ngày 17/01/2018 của SUBND tỉnh)

I. Nguồn vốn 2016 chuyển sang

ĐVT: 100

TT	Hạng mục	ĐVT	Khối lượng	Định mức bổ sung	Thành tiền
1	2	3	4	5	6
	Tổng	ha	77.847	285	10.900.000
1	Giao khoán quản lý bảo vệ rừng (ha)		77.847	285	10.900.000
a	Rừng phòng hộ	ha	15.675	147	2.299.000
b	Rừng đặc dụng	ha	62.172	138	8.597.000

Biểu 2: Tổng hợp kế hoạch phân bổ vốn thực hiện Chương trình mục tiêu phát triển lâm nghiệp bền vững năm 2017 tỉnh Đắk Lắk.

(Kèm theo Báo cáo số 43 /BC-UBND ngày 17/01/2018 của UBND tỉnh)

I. Nguồn vốn 2017:

ĐVT: 1000 ĐỒNG

TT	Hạng mục	ĐVT	Khối lượng	Định mức bổ sung	Thành tiền	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7
	Tổng	ha	92.079	324	15.800.000	
1	Giao khoán quản lý bảo vệ rừng	ha	92.079	324	14.029.687	
a	Rừng phòng hộ	ha	23.797	182	4.323.230	
b	Rừng đặc dụng	ha	68.282	142	9.706.457	
2	Khoanh nuôi tái sinh				1.070.000	
	Khoanh nuôi tái sinh tự nhiên	ha	2.000	535	1.070.000	
3	Chăm sóc rừng trồng	ha		14.006	700.315	
	+ Chăm sóc năm 2	ha	50	6.581	329.025	
	+ Chăm sóc năm 3	ha	50	4.922	246.100	
	+ Chăm sóc năm 4	ha	50	2.504	125.190	